

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày 04/7/2022

V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đô.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Lan.
2. Ông Bùi Quốc Thìn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Quốc B, sinh năm 1989; cư trú tại: Vực X, thôn Y, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1992; cư trú tại: Vực X, thôn Y, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Quốc B (sau đây viết tắt là anh B) trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Thị H (sau đây viết tắt là chị H) tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyền số 01/2012, ngày 24/12/2012. Quá trình chung sống, giữa anh và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong việc quản lý, chi tiêu tiền bạc. Ngoài ra, anh còn nghe thông tin chị H không chung thủy nên nhiều lần giữa vợ chồng có lời nói xúc phạm lẫn nhau. Kể từ cuối năm 2020 đến nay, anh và chị H không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Vì mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc và anh chị không thể đoàn tụ chung sống nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 (một) con chung tên là cháu Phạm Quốc T (sau đây viết tắt là cháu T), sinh ngày 28/10/2013; hiện nay anh là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Toàn và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh làm công nhân tại Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất, thu nhập ổn định, thời gian làm việc trong giờ hành chính, có nhà ở nên anh có đủ điều kiện, khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*\* Tại bản tự khai ngày 18/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Huỳnh Thị H trình bày:*

Chị thống nhất như trình bày của anh B về việc tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và con chung của vợ chồng anh chị. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B nghe thông tin không đúng sự thật để cho rằng chị không chung thủy, anh B ghen tuông vô cớ và nhiều lần đánh đập, có lời nói xúc phạm nhân phẩm của chị. Từ cuối năm 2020, chị và anh B không còn sống chung, không quan tâm chăm sóc cho nhau và không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị và anh B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu T và chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị là thợ may, làm việc tại nhà nên thời gian làm việc chủ động, thu nhập ổn định nên chị có đủ điều kiện và khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

*\* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 227, 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B với chị H; giao con chung là cháu T cho anh B tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, chị H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; các đương sự không tranh chấp về tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 85, ngày 24/12/2012 của Ủy ban nhân dân xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của các bên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định anh B và chị H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa anh B và chị H là hợp pháp.

[2] Mặc dù anh B và chị H trình bày khác nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thiếu sự tôn trọng danh dự, nhân phẩm của nhau và kể từ cuối năm 2020, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Những điều này đã thể hiện anh B và chị H vi phạm

ng nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại các Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh B và chị H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B.

[3] Anh B và chị H có 01 (một) con chung là cháu Phạm Quốc T, sinh ngày 28/10/2013. Anh B và chị H đều có yêu cầu nuôi con và có đủ điều kiện, khả năng để nuôi con. Tuy nhiên, xét thấy cháu T được anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo và phát triển tốt; cháu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với anh B. Vì vậy, để ổn định việc sinh hoạt, học tập, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu T và căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Anh B và chị H không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và anh B có đủ điều kiện, khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[5] Anh B và chị H không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản nên không xem xét giải quyết các vấn đề này trong vụ án.

[6] Anh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 150, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Anh Phạm Quốc B được ly hôn chị Huỳnh Thị H.
2. Giao cháu Phạm Quốc T, sinh ngày 28/10/2013 cho anh Phạm Quốc B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Huỳnh Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và phải có nghĩa vụ giao con chung như đã nêu trên để anh Phạm Quốc B thực hiện việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Anh Phạm Quốc B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu số tiền anh B đã nộp tạm ứng, theo biên lai thu số 0002589, ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Đông;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đô**

